TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/DS-ST.
Ngày: 26/02/2018.
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, mua bán tài sản và hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Phong**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Phước Tâm**
  2. Bà **Hồ Thị Mai Hương**
- Thư ký phiên toà: Ông **Nguyễn Tấn Lợi.**

Ngày 26/02/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 779/2017/TLST- DS ngày 17/10/2017 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, mua bán tài sản và hụi"; theo Quyết đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐST-DS, ngày 10/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Trần Thị Mỹ A** - sinh năm 1978;
Địa chỉ: Ấp 4, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Thị Như Ý - sinh năm 1994;
Địa chỉ: Ấp Tân Thuận B, xã Tân Mỹ, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị A: Luật sư Phạm Hoàng Đức – Công ty Luật hợp danh Anh Em Luật Sư – Chi nhánh Đồng Tháp;
Địa chỉ: 70 Quốc lộ 30, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Lê Văn T - sinh năm: 1972;
Địa chỉ: Ấp 5, xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Huỳnh Thị Kim Q - sinh năm 1961;
Địa chỉ: Ấp 7, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Bùi Thị K - sinh năm 1969;
Địa chỉ: khóm Mỹ Tây, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Bùi Thị N - sinh năm 1960;
Địa chỉ: 184/4, ấp Bình Nhứt, xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
Đại diện theo ủy quyền của bà K, bà Q, bà N là anh Vũ Tuấn Anh, sinh năm 1972;
Địa chỉ: 103 đường Chi Lăng, Phường 3, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: **Nguyễn Thị Bích Nh** - sinh năm 1970,
Phan Văn Ki - sinh năm 1972,
Phan Minh L - sinh năm 1995;
Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

* Chị Như Ý, anh T, anh Tuấn Anh và Luật sư Đức có mặt; bà Nh, ông Ki và anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Như Ý trình bày: trước đây, do có mối quan hệ thông gia, chị A có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Bích Nh, ông Phan Văn Ki vay nhiều lần tiền, tính đến trước ngày 18/12/2016 âm lịch tức ngày 15/01/2017, chị A đã cho bà Nh, ông Ki vay tổng số tiền là 434.825.000đ. Ngày 18/12/2016 âm lịch tức ngày 15/01/2017, chị A tiếp tục cho bà Nh, ông Ki vay thêm 400.000.000đ để đáo nợ ngân hàng. Như vậy tính đến ngày 15/01/2017, chị A cho bà Nh, ông Ki vay tổng cộng là 834.825.000đ; có làm biên nhận tổng cùng ngày (18/12/2016 âm lịch tức ngày 15/01/2017) do bà Nh ký tên, viết họ tên nhưng bà Nh ghi họ tên là Nguyễn Thị Nh; thỏa thuận thời hạn trả nợ dứt điểm là 01 tháng và lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Tính đến ngày 29/5/2017 bà Nh, ông Ki đã trả được tổng cộng 200.000.000đ tiền vốn, chưa trả lãi. Chị A đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Nh, ông Ki vẫn chưa trả hết số nợ còn lại. Nay chị A yêu cầu bà Nh và ông Ki phải liên đới trả cho chị A số tiền gốc là 634.825.000đ, về tiền lãi thì tại phiên tòa, chị Như Ý đại diện hợp pháp của chị A có thay đổi là chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 30/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay là 08 tháng 26 ngày với số tiền lãi là 63.323.000đ, tổng cộng là 698.148.000đ.

Đối với số tiền nợ mua phân bón theo như đơn khởi kiện chị A có yêu cầu đối với bà Nh, ông Ki là 17.400.000đ, thì trong quá trình giải quyết vụ án, chị A đã có đơn xin rút yêu cầu này và tại phiên tòa hôm nay chị Như Ý xác định là chị A vẫn giữ ý chí đó, là rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, anh Lê Văn T trình bày: trước đây anh có cho bà Nguyễn Thị Bích Nh, ông Phan Văn Ki vay tổng cộng 250.000.000đ, trong đó: ngày 15/7/2016 cho vay 50.000.000đ; lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng; thời hạn vay là 02 tháng và ngày 07/9/2016 cho vay 200.000.000đ; lúc vay thỏa thuận thời hạn là 05 ngày và lãi suất là 2.000đ/1.000.000đ/ngày, sau đó do phía bà Nh, ông Ki không trả nợ đúng hạn nên thỏa thuận lại lãi suất là 03%/tháng. Cả 02 khoản tiền trên đều có làm biên nhận do bà Nh ký tên, viết họ tên (nhưng bà Nh ghi là Nguyễn Thị Nh). Đến ngày 06/02/2017 hai bên tính lãi cả 02 khoản tiền trên tổng cộng là 40.500.000đ, anh có bớt cho phía bà Nh 500.000đ nhưng tính lãi xong thì phía bà Nh vẫn không đóng lãi cho đến nay. Sau đó bà Nh, ông Ki có trả cho anh được 120.000.000đ tiền vốn.

Ngoài ra, bà Nh và ông Ki còn nợ anh tiền mua mua phân bón với tổng số tiền là 73.040.000đ theo biên nhận ngày 14/7/2017 có ông Ki ký tên, viết họ tên.

Hai khoản tiền vay và mua bán trên, anh đã nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay phía bà Nh, ông Ki vẫn chưa trả cho anh.

Nay anh T yêu cầu bà Nh và ông Ki phải liên đới trả cho anh số tiền vay là 130.000.000đ và tiền nợ mua bán phân bón là 73.040.000đ, tổng cộng là 203.040.000đ, đều không yêu cầu tính lãi.

- Anh Tuấn Anh là đại diện hợp pháp của các nguyên đơn bà Bùi Thị Ngoã, bà Huỳnh Thị Kim Q và bà Bùi Thị K trình bày:

+ Ngày 23/02/2017 âm lịch tức ngày 20/3/2017 dương lịch, bà N có cho vợ chồng bà Nh, ông Ki vay 20 vàng 24K; có làm biên nhận có vợ chồng bà Nh, ông Ki ký tên; thời hạn thỏa thuận là 02 tháng nhưng đến nay phía bà Nh, ông Ki vẫn chưa trả cho bà N. Nay bà N yêu cầu bà Nh và ông Ki phải liên đới trả cho bà N 20 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi.

+ Trước đây bà Q có tham gia dây hụi 5.000.000đ/mùa (03 tháng) của bà Nh làm chủ; dây hụi gồm 12 phần, bà Q tham gia một phần; bà Q đã đóng hụi sống tính đến ngày 22/8/2016 là được 07 kỳ với tổng số tiền là 22.650.000đ thì phía bà Nh tuyên bố vỡ hụi nhưng không trả lại tiền hụi nói trên cho bà Q. Ngoài ra, bà Q còn cho bà Nh, ông Ki vay 50.000.000đ vào ngày 06/5/2017; có làm biên nhận do bà Nh và con là anh L ký tên; lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng nhưng đến nay phía bà Nh chưa trả được khoản tiền vốn và lãi nào. Nay bà Q yêu cầu bà Nh, ông Ki phải liên đới trả số tiền hụi là 22.650.000đ và yêu cầu bà Nh, ông Ki và anh L liên đới trả số tiền vay 50.000.000đ; tiền lãi của số tiền hụi là 3.057.000đ (0,75%/tháng tính từ 22/8/2016 ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn 18 tháng) và tiền lãi của số tiền vay là 1.875.000đ (0,75%/tháng, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 16/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn 05 tháng), tổng cộng là 77.582.000đ.

+ Trước đây bà K có cho vợ chồng bà Nh, ông Ki vay các khoản tiền và vàng như sau: ngày 18/6/2016 cho vay 160.000.000đ; ngày 21/8/2016 cho vay 60.000.000đ và 11 chỉ vàng 24K trong đó có 02 chỉ vàng 9999; tất cả thỏa thuận thời hạn vay là đến tháng 12/2016 trả dứt điểm; ngày 26/3/2017 âm lịch cho vay 110.000.000đ, không thỏa thuận thời hạn vay. Đến nay mặc dù bà K đã nhiều lần đòi nhưng phía bà Nh, ông Ki vẫn chưa trả cho bà K. Nay bà K yêu cầu bà Nh và ông Ki liên đới trả cho bà K tổng số tiền vay là 330.000.000đ và 11 chỉ vàng 24K trong đó có 02 chỉ vàng 9999; đều không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền 30.000.000đ mà bà K cho rằng bà K cho bà Nh, ông Ki vay để làm đám cưới cho con thì nay bà K rút yêu cầu.

** Các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp*:

- Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:
+ Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của các nguyên đơn (photo);
+ Các biên nhận nợ (bản chính);
+ Giấy ủy quyền; thủ tục của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh, các bên đã thống nhất: không có do bà Nh, ông Ki và anh L được tống đạt và triệu tập hợp lệ nhưng đều không có mặt cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn liên đới trả lại số tiền vay, vàng vay, mua bán tài sản và tiền hụi gốc và lãi như trên, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, mua bán tài sản và hụi" theo quy định tại các Điều 430, 463 và 471 Bộ luật dân sự.

- Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, địa chỉ của các bị đơn là tại ấp 7, xã Ba Sao, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay, mua bán và hụi giữa các đương sự là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có thời hạn; tính từ thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ và có tranh chấp đến ngày nguyên đơn khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 và Điều 688 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, các bị đơn đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, là chị A, anh T, bà Q, bà N, bà K đối với bà Nh, ông Ki, anh L, trong đó:

- Chị A yêu cầu bà Nh và ông Ki phải liên đới trả số tiền gốc là 634.825.000đ, về tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 30/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay là 08 tháng 26 ngày với số tiền lãi là 63.323.000đ, tổng cộng là 698.148.000đ.

- Anh T yêu cầu bà Nh và ông Ki phải liên đới trả cho anh số tiền còn nợ là 203.040.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- Bà Q yêu cầu bà Nh, ông Ki và anh L liên đới trả số tiền hụi là 22.650.000đ và tiền vay 50.000.000đ; tiền lãi của số tiền hụi là 3.057.000đ (0,75%/tháng tính từ 22/8/2016 ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn 18 tháng) và tiền lãi của số tiền vay là 1.875.000đ (0,75%/tháng, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 16/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn 05 tháng), tổng cộng là 77.582.000đ.

- Bà N yêu cầu bà Nh và ông Ki phải liên đới trả cho bà N 20 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi.

- Bà K yêu cầu bà Nh và ông Ki liên đới trả tổng số tiền vay là 330.000.000đ và 11 chỉ vàng 24K trong đó có 02 chỉ vàng 9999; đều không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, các nguyên đơn đã cung cấp các chứng cứ như sau:

- Chị A cung cấp "Biên nhận vay tiền" ngày 18/12/2016 âm lịch có nội dung

Nguyễn Thị Nh có vay của Trần Thị Mỹ A 834.825.000đ, có chữ ký tên và chữ viết họ tên của Nguyễn Thị Nh.

- Anh T cung cấp "Giấy hỏi tiền" ngày 15/7/2016 có nội dung Nguyễn Thị Nh (chị Ki) có vay của Lê Văn T 50.000.000đ có chữ ký tên, chữ viết họ tên của Nguyễn Thị Nh; "Giấy hỏi tiền" ngày 07/9/2016 có nội dung Nguyễn Thị Nh (chị Ki) có vay của Lê Văn T 200.000.000đ, có chữ ký tên, chữ viết họ tên của Nguyễn Thị Nh và "Giấy mua phân thuốc" ngày 14/7/2017 có nội dung Phan Văn Ki có nợ tiền mua phân thuốc của Lê Văn T 73.040.000đ; có chữ ký tên và chữ viết họ tên của Phan Văn Ki.

- Bà Q cung cấp biên nhận không có ngày tháng năm; có nội dung Nguyễn Thị Nh và Phan Minh L vay tiền của chị Sáu Phiến 50.000.000đ và Tờ sổ hụi khui ngày 20/8/2015 âm lịch; thảo hụi là vợ Năm Ki; hụi mùa 5.000.000đ; tổng số tiền đóng hụi sống là 22.650.000đ; bà Q cũng như đại diện hợp pháp của bà Q xác định bà Phiến là tên thường gọi của bà Q; Tờ sổ hụi trên là của bà Q được bà Nh phát khi thời gian chơi hụi và để theo dõi quá trình tham gia; bà Q đóng hụi sống được 07 lần với số tiền 22.650.000đ thì bà Nh tuyên bố vỡ hụi mà không trả tiền lại cho bà Q.

- Bà N cung cấp "Biên nhận" ngày 23/02/2017 âm lịch có nội dung Nguyễn Thị Bích Nh và Phan Văn Ki có vay của bà Bùi Thị N 20 chỉ vàng 24K, có chữ ký tên và chữ viết họ tên của Nguyễn Thị Nh và Phan Văn Ki.

- Bà K cung cấp "Biên nhận mượn vàng và tiền" ngày 21/8/2016 có nội dung Nguyễn Thị Nh có vay của Bùi Thị K 160.000.000đ vào ngày 16/8/2016 và 11 chỉ vàng 24K trong đó có 02 chỉ vàng 9999 cùng 60.000.000đ vào ngày 21/8/2016, có chữ ký tên, chữ viết họ và tên của Nguyễn Thị Nh; "Biên nhận" ngày 26/3/2017 âm lịch có nội dung Phan Văn Ki và Nguyễn Thị Bích Nh có vay của Bùi Thị K 110.000.000đ có chữ ký tên và chữ viết họ tên của Phan Văn Ki và Nguyễn Thị Bích Nh.

Ngoài việc chị A trình bày phía bị đơn đã có trả cho chị được 200.000.000đ tiền vốn vay; các nguyên đơn còn lại đều xác định phía bị đơn đều chưa có trả khoản tiền vốn nào; các nguyên đơn cũng đều trình bày bị đơn chưa đóng khoản lãi nào.

Xét thấy, các tài liệu, chứng cứ trên đều là bản gốc và có nội dung phù hợp với nội dung trình bày và yêu cầu của các nguyên đơn, trong đó riêng đối với chị A thì theo nội dung biên nhận nợ số tiền là 834.825.000đ nhưng chị A chỉ yêu cầu 6.34.825.000đ vì cho rằng phía bị đơn đã trả được 200.000.000đ cũng là phù hợp pháp luật và có lợi cho phía bị đơn. Các nguyên đơn xác định bị đơn đều chưa có đóng lãi cho các nguyên đơn. Việc trong các biên nhận ghi họ tên của người vay là Nguyễn Thị Nh mà không phải là Nguyễn Thị Bích Nh, là bị đơn trong vụ án, thì các nguyên đơn trình bày là do sơ suất trong lúc bà Nh ký tên; lúc đó các nguyên đơn không biết rõ họ và tên đầy đủ của bà Nh, nhưng đều khẳng định Nguyễn Thị Nh trong các biên nhận đó chính là bị đơn, là Nguyễn Thị Bích Nh; mặt khác, trong một số biên nhận có ghi đúng tên Nguyễn Thị Bích Nh hoặc ghi là vợ ông Ki. Về việc yêu cầu liên đới thì các nguyên đơn trình bày bà Nh và ông Ki là vợ chồng, anh L là con bà Nh, ông Ki; việc vay tiền, vàng và mua phân bón cũng đều nhằm mục đích phục vụ kinh tế, sinh hoạt gia đình; đối với anh L thì cũng có cùng ký tên trong biên nhận vay đối với bà Q. Phía bị đơn đã được thông báo, tống đạt và triệu tập xét xử hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến hay phản bác đối với lời trình bày cũng như yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của các nguyên đơn về việc bị đơn có vay, nợ các số tiền, vàng theo

trình bày và yêu cầu của các nguyên đơn như trên là có thật cũng như bị đơn chưa có trả khoản tiền vốn và lãi nào cho các nguyên đơn ngoài việc đã có trả cho chị A 200.000.000đ theo lời thừa nhận của phía chị A. Do đó, các yêu cầu của các nguyên đơn về số tiền vốn vay, vàng vay và nợ tiền mua bán phân bón là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền lãi, chị A và bà Q có yêu cầu hoặc thay đổi yêu cầu là theo đúng với mức lãi suất luật định, trong đó:

- Chị A thay đổi yêu cầu mức lãi suất là 1,125%/tháng trên số tiền gốc 634.825.000đ tính từ sau ngày cuối cùng bị đơn có trả tiền vốn là ngày 30/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, là 08 tháng 26 ngày với số tiền lãi là 63.323.000đ; vì trong biên nhận vay tiền có thỏa thuận lãi suất và cụ thể là 03%/tháng;

- Bà Q tiền lãi của số tiền hụi là 3.057.000đ (0,75%/tháng tính từ 22/8/2016 ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn 18 tháng) và tiền lãi của số tiền vay là 1.875.000đ (0,75%/tháng, tính từ ngày nộp đơn khởi kiện 16/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, tính tròn 05 tháng); vì đối với số tiền hụi, bà Q yêu cầu tính lãi từ ngày đóng phần hụi sống cuối cùng đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp theo trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; còn số tiền vay thì bà Q cũng yêu cầu theo mức lãi suất thuộc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền do hợp đồng vay không có kỳ hạn và tính từ ngày có yêu cầu, tranh chấp;

Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về tiền lãi như trên của chị A và bà Q.

Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị A cho rằng phía bị đơn có nợ của chị A tiền vay tổng cộng là 834.825.000đ; tính đến ngày 29/5/2017 phía bị đơn đã trả được tổng cộng 200.000.000đ tiền vốn, chưa trả lãi, số tiền gốc là 634.825.000đ; về tiền lãi thì tại phiên tòa, chị Như Ý đại diện hợp pháp của chị A cũng đã có thay đổi là chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày 30/5/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay là 08 tháng 26 ngày với số tiền lãi là 63.323.000đ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, buộc bà Nh, ông Ki phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị A số tiền vốn vay là 634.825.000đ, tiền lãi là 63.323.000đ, tổng cộng là 698.148.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và đề nghị trên của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị A là có căn cứ, nên chấp nhận.

Đối với việc chị A rút yêu cầu số tiền mua phân bón là 17.400.000đ vì cho rằng số tiền này không có biên nhận, chứng cứ để chứng minh trong khi phía bị đơn không có mặt; bà K rút yêu cầu đối với số tiền vay 30.000.000đ, vì cho rằng các số tiền này do bà K tự ghi vào biên nhận nợ khác trong khi phía bị đơn không có mặt, Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với các yêu cầu đó.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của các nguyên đơn.

[4] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (trong đó giá vàng được xác định ngày xét xử là 3.680.000đ/chỉ vàng 24K).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 430, 463 và 471 Bộ luật dân sự; các Điều 26, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Trần Thị Mỹ A, Lê Văn T, Huỳnh Thị Kim Q, Bùi Thị N và Bùi Thị K.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Bích Nh và ông Phan Văn Ki phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Trần Thị Mỹ A tiền vốn vay là 634.825.000đ, tiền lãi là 63.323.000đ, tổng cộng là 698.148.000 đồng (Sáu trăm chín mươi tám triệu, một trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

+ Buộc bà Nguyễn Thị Bích Nh và ông Phan Văn Ki phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lê Văn T số tiền vay là 203.040.000 đồng (Hai trăm lẻ ba triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Buộc bà Nguyễn Thị Bích Nh, ông Phan Văn Ki và anh Phan Minh L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Kim Q số tiền hụi là 22.650.000đ, tiền lãi là 3.057.000đ và tiền vốn vay là 50.000.000đ, tiền lãi là 1.875.000đ. Tổng cộng là 77.582.000đ (Bảy mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi hai nghìn đồng).

+ Buộc bà Nguyễn Thị Bích Nh và ông Phan Văn Ki phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị N 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24K.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Bích Nh và ông Phan Văn Ki phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Bùi Thị K tổng số tiền vay là 330.000.000đ và 11 chỉ vàng 24K (trong đó có 02 chỉ vàng 9999).

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng phía người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử vụ án đối với yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ A về số tiền mua bán phân bón 17.400.000đ đồng.

- Đình chỉ xét xử vụ án đối với yêu cầu của bà Bùi Thị K về số tiền vay 30.000.000 đồng.

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2017/QĐ-BPKCTT ngày 06/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh để bảo đảm cho việc thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Nguyễn Thị Bích Nh và ông Phan Văn Ki phải liên đới chịu 52.358.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị Bích Nh, ông Phan Văn Ki và anh Phan Minh L phải liên đới chịu 3.879.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Chị Trần Thị Mỹ A không phải chịu án phí và được nhận lại 16.300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16175 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Anh Lê Văn T không phải chịu án phí và được nhận lại 5.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16142 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Bà Huỳnh Thị Kim Q không phải chịu án phí và được nhận lại 1.900.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16036 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Bà Bùi Thị N không phải chịu án phí và được nhận lại 1.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16085 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

+ Bà Bùi Thị K không phải chịu án phí và được nhận lại 3.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 16063 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND HCL;
- TAND tỉnh;
- Chi cục THADS HCL;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Phong